UBND TỈNH GIA LAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 253/BC-SCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Gia Lai, ngày 07 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO
Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng từ khi thành lập Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đến nay, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới

Thực hiện Kế hoạch số 298-KH/TU ngày 21/5/2020 của Tỉnh ủy về tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN đến nay; Văn bản số 203/TTr -PCTN ngày 01/6/2020 của Thanh tra tỉnh về việc đề nghị báo cáo Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đến nay. Sở Công Thương báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác PCTN

Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về PCTN luôn được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở Công Thương quan tâm, coi trọng, chỉ đạo thực hiện tốt; công tác này được thực hiện thường xuyên gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; Giám đốc Sở trực tiếp phụ trách công tác PCTN, giao Thanh tra Sở là cơ quan trực tiếp theo dõi và tham mưu giúp Giám đốc Sở thực hiện công tác PCTN.

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của cấp trên, hằng năm Sở đều đã ban hành chương trình, kế hoạch về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng nhằm triển khai thực hiện trong cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế về phòng, chống tham nhũng

Việc xây dựng, ban hành hoặc đề xuất, kiến nghị ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng hoặc có liên quan đến phòng, chống tham nhũng: Không.

3. Kết quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN được thực hiện bằng cách phổ biến thường xuyên, kịp thời trong các Hội nghị thường kỳ tháng, quý, năm và đột xuất hoặc vào 15 phút buổi sáng đầu giờ các ngày làm việc trong tuần; thực hiện việc tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của Sở; đăng tải trên bản tin Công nghiệp và Thương mại.

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản có liên quan khác như: Chỉ thị 50-CT/TW ngày 07

/12/ 2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Nghị quyết Trung ương 3 khóa X và Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết trung ương 3 khóa X *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí* và Chỉ thị số 04-CT/TU ngày 17/02/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí*; Kế hoạch số 09-KH/TU ngày 16 /02/ 2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị; Công văn số 627/UBND-NC ngày 26/02/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc nâng cao hiệu quả công tác và tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị ...

Thông qua các buổi tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN kết quả đã nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của các tổ chức đoàn thể, Ban Thanh tra nhân dân và của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong việc PCTN. Sở Công Thương đưa công tác PCTN vào Quy chế hoạt động của cơ quan, đây cũng là một trong những chỉ tiêu để đánh giá cán bộ, công chức, viên chức cuối năm.

4. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước

4.1. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan

Sở Công Thương đã thực hiện tốt các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan theo quy định. Quy trình quản lý và hoạt động của cơ quan được niêm yết công khai để các tổ chức, cá nhân biết thực hiện, giám sát.

Công khai minh bạch trong công tác tuyển dụng, công tác quy hoạch cán bộ, công tác khen thưởng; Công khai minh bạch trong quản lý tài sản công và quản lý tài chính.

Thanh tra Sở thường xuyên phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân và các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Chi đoàn) giám sát, kiểm tra việc chấp hành Quy chế của cơ quan, việc sử dụng kinh phí do ngân sách cấp cho cơ quan phù hợp với các quy định và được công khai hóa trong cơ quan tại Hội nghị cán bộ, công chức hằng năm.

4.2. Việc xây dựng và thực hiện chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Triển khai thực hiện nghiêm Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan; Quy chế dân chủ cơ sở, các Quy chế đều được công khai trong cơ quan để cán bộ, công chức, viên chức biết theo dõi, giám sát. Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Thực hiện nghiêm túc chế độ mua sắm tài sản công và tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, chi phí tiếp khách...

4.3. Việc xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/2/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm

việc trong bộ máy chính quyền địa phương. Sở Công Thương đã thực hiện việc xây dựng và niêm yết công khai Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị, trên cơ sở đó triển khai và giám sát thực hiện một cách có hiệu quả. Đồng thời là căn cứ để cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý trách nhiệm khi cán bộ, công chức, viên chức vi phạm các chuẩn mực xử sự trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội.

Việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng: Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm quy định về tặng quà và nhận quà tặng theo Điều 22 Luật PCTN năm 2018 và Mục 2 Chương IV Nghị định số 59/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

4.4. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tổ chức quán triệt và triển khai kịp thời khi các văn bản pháp luật mới về quy định cụ thể danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được cơ quan có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực.

4.5. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính về giải quyết công việc "một cửa" của cơ quan để góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của ngành.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính nhằm loại bỏ những thủ tục không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết, tránh tình trạng cán bộ, công chức, viên chức gây khó khăn phiền hà cho công dân, tổ chức trong giải quyết hồ sơ công việc.

Đăng tải, thông báo công khai kịp thời các thủ tục hành chính đang áp dụng trong cơ quan và các văn bản chỉ đạo, điều hành trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

Thực hiện vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại cơ quan, đơn vị.

Tăng cường ứng dụng các phần mềm dùng chung cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Nâng cao chất lượng hoạt động của trang thông tin điện tử.

Thực hiện nghiêm việc thanh toán qua tài khoản đối với các khoản chi ngân sách; nhất là chi lương, thưởng, chi khác có tính chất thường xuyên.

4.6. Kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan các quy định của Luật PCTN và các văn bản quy định chi tiết về kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập.

Thực hiện việc kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập theo hướng dẫn của cấp trên.

5. Chế độ trách nhiệm của người đừng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị trong phòng, chống tham nhũng

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; kịp thời phát hiện, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; thực hiện quy định khác của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; tiếp nhận, xử lý kịp thời phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, tin báo về hành vi tham nhũng.

Gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy tắc đạo đức kinh doanh.

Chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo quy định.

6. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng

Qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị; qua công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng; qua công tác thanh tra; giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đến nay không phát hiện trường hợp nào vi phạm phải xử lý.

7. Kết quả thực hiện các kết luận, kiến nghị của đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của Trung ương, địa phương: Không

8. Phát huy vài trò, trach nhiệm của cơ quan dân cử; Mặt trận Tổ quốc các tổ chức thành viên và nhân dân trong phòng, chống tham nhũng

Thường xuyên phổ biến, quán triệt nội dung Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư về giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ đảng viên; Kế hoạch số 138-KH/TU ngày 05/7/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Quy định số 124-QĐ/TW ngày 02/02/2018 của Ban Bí thư đến từng đảng viên, công chức và người lao động trong đơn vị biết, thực hiện.

9. Nguyên nhân của các kết quả đạt được trong phòng chống tham nhũng

Nhờ sự quan tâm, chỉ đạo và làm tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật tới toàn thể đảng viên, công chức và người lao động trong đơn vị; việc kiểm tra, thanh tra trong nội bộ được triển khai thường xuyên liên tục đã có tác dụng tích cực trong việc ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí.

II. HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

- Nhiều quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản dưới luật khi triển khai trong thực tiễn đã bộc lộ hạn chế như việc kê khai tài sản, thu nhập còn hình thức; trách nhiệm giải trình của người có chức vụ, quyền hạn chưa rõ ràng; công khai minh bạch còn hình thức, đối phó,...

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng chưa thường xuyên; nội dung, hình thức chưa phong phú.

- Công tác kiểm tra, giám sát, nhất là tự kiểm tra nộ bộ về phòng, chống tham nhũng chưa sâu, chưa thường xuyên.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác PCTN luôn được Đảng ủy, Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt. Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở có sự phối hợp tốt nên việc thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng được tổ chức triển khai nghiêm túc.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN nên làm cho cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị nắm bắt và thực hiện có hiệu quả. Cơ quan đã ban hành kịp thời các văn bản về công tác PCTN theo hướng dẫn cấp trên.`

Đã thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng như: Công tác cải cách hành chính; công tác minh bạch tài sản; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; thực hiện chế độ tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; thực hiện công khai minh bạch trong quản lý tài sản công và quản lý hành chính.

Nhìn chung công tác PCTN của Sở Công Thương được triển khai nghiêm túc, chặt chẽ, cụ thể nên việc thực hiện đạt hiệu quả. Từ năm 2013 đến nay, không có trường hợp nào vi phạm pháp luật về PCTN, đồng thời cũng không có đơn thư tố cáo nào liên quan đến PCTN. Từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sâu sát nên đã chuyển biến tích cực trong công tác PCTN nêu trên.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước về phòng, chống tham nhũng gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"; kịp thời ban hành các văn bản nhằm thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng theo sự chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan.

- Nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của cấp ủy, trách nhiệm người đứng đầu trong công tác phòng chống tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp về phòng ngừa tham nhũng như: Công tác cải cách hành chính; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức; quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức; công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan; tiếp tục thực hiện việc kê khai tài

sản, thu nhập đối với các đối tượng thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo gắn với công tác phòng, chống tham nhũng.

Trên đây là nội dung báo cáo của Sở Công Thương về Tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đến nay./.

Nơi nhận:
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, TTS.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH GIA LAI

Phạm Văn Binh
Sở Công thương, Tỉnh Gia Lai
07.07.2020 15:35:49 +07:00

Phạm Văn Binh

Phụ lục

THỐNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 20 tháng 6 năm 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 253 /BC-SCT ngày 07 /7/2020 của Sở Công Thương)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả								
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	06 tháng 2020	Cộng
I	**Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền đối với công tác phòng, chống tham nhũng**										
1.	Số văn bản được ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng	Văn bản	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**9**
2.	Số cuộc giám sát, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống tham nhũng	Cuộc	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
3.	Số vụ tham nhũng được cấp ủy chỉ đạo xử lý	Vụ	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
II	**Thông tin, tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng**										
4.	Số cuộc họp, hội nghị, lớp/lượt người được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng	Cuộc/ Lượt	**5/100**	**7/180**	**7/160**	**6/140**	**7/120**	**7/120**	**14/280**	**5/100**	**58/1.200**
5.	Số sách/tài liệu về phòng, chống tham nhũng được phát hành	Cuốn	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
6.	Số người có thành tích trong phòng, chống tham nhũng được biểu dương, khen thưởng	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
III	**Thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng**										
7.	Số cuộc kiểm tra/số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động	Cuộc/ Đơn vị	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
8.	Số đơn vị phát hiện có vi phạm quy định về công	Đơn vị	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả								
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	06 tháng 2020	Cộng
	khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động										
9.	Số người được chuyển đổi vị trí công tác để phòng ngừa tham nhũng/số người phải chuyển đổi vị trí công tác	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
10.	Số người kê khai tài sản, thu nhập/tổng số người phải kê khai	Người	**32/32**	**32/32**	**36/36**	**31/31**	**29/29**	**29/29**	**Chưa có quy định thực hiện**		
11.	Số người đã xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
12.	Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
13.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ ban hành mới	Văn bản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**2**
14.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	Văn bản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
15.	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được bãi bỏ	Văn bản	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**1**	**2**
16.	Số cuộc kiểm tra/số đơn vị được kiểm tra về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc/ đơn vị	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
17.	Số đơn vị/người bị xử lý do vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Đơn vị/ người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
18.	Số cuộc kiểm tra/số đơn vị được kiểm tra về quy tắc ứng xử	Cuộc/ đơn vị	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
19.	Số đơn vị/người bị xử lý do vi phạm quy định về quy tắc ứng xử	Đơn vị/ người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
20.	Số người đứng đầu bị xử lý do để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị mình quản lý, phụ	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả								
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	06 tháng 2020	Cộng
	trách. Trong đó:										
	- Số người bị xử lý hình sự	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Số người bị xử lý kỷ luật (kỷ luật Đảng, chính quyền)	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
V	**Phát hiện, xử lý tham nhũng**										
21.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
22.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
23.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
24.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
25.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
26.	Số vụ/người tham nhũng bị phát hiện qua công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
27.	Số vụ/người tham nhũng bị xử lý kỷ luật	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
28.	Số vụ/bị can đã bị khởi tố về các tội tham nhũng	Vụ/bị can	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
29.	Số vụ/bị can đã bị truy tố về các tội tham nhũng	Vụ/bị can	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
30.	Số vụ/bị cáo đã bị xét xử về các tội tham nhũng	Vụ/bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
31.	*Mức án:*		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Tử hình	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả								
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	06 tháng 2020	Cộng
	- Tù chung thân	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Từ 10 năm đến 30 năm tù	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Dưới 10 năm tù	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Án treo, cải tạo không giam giữ	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Hình phạt khác	Bị cáo	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
32.	*Diện đối tượng tham nhũng bị phát hiện, xử lý:*										
	- Đảng viên	Người									
	- Không đảng viên	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Cán bộ thuộc diện cấp tỉnh và tương đương quản lý	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Cán bộ thuộc diện cấp huyện và tương đương quản lý	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Cán bộ thuộc diện cấp cơ sở quản lý	Người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
33.	*Lĩnh vực xảy ra tham nhũng:*										
	- Tài chính, ngân hàng	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Đầu tư xây dựng cơ bản	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Đấu thầu	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
	- Công tác cán bộ	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả								
			2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	06 tháng 2020	Cộng
	- Lĩnh vực khác	Vụ/người	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
34.	Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát do tham nhũng	Triệu đồng/tài sản khác	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
35.	Tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát do tham nhũng được thu hồi	Triệu đồng/tài sản khác	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**